

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 49/2024/HSST

Ngày 30/8/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Yao Bkrông.
2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Hà Hương– Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Nguyệt– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/HSST ngày 22/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 12/8/2024 đối với các bị cáo:

1. H D Niê, sinh năm 1973; giới tính: Nữ. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn M C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 5/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y N Mlô (đã chết) và con bà H J Niê (đã chết). Chồng là Y D Mlô, sinh năm 1985 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2004). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/5/2021, bị Công an xã N Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền phạt là 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng), đến ngày 19/10/2021 bị cáo nộp đủ tiền phạt. Do đó, đến ngày 20/10/2022 bị cáo được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

2. H R Mlô, sinh năm 1984; giới tính: Nữ. Nơi sinh: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn T, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 11/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: công giáo. Con ông Y L Niê (đã chết) và con bà H

M Mlô, sinh năm 1965. Chồng là Y D Niê, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2024). Tiền án: Tại bản án số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xử phạt H R Mlô 10 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”. Theo Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 31/2024/QĐ-CA ngày 11/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ và biên bản bàn giao hồ sơ Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, xác định H R Mlô chấp hành hình phạt từ ngày 15/4/2024. Do đó, chưa chấp hành xong hình phạt tiếp tục phạm tội mới. Tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

3. H Ñ Mlô, sinh năm 1978; giới tính: Nữ. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 3/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y M Kbuôr (đã chết) và con bà H G Mlô (đã chết). Chồng là Y T Niê, sinh năm 1978 và có 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001). Tiền án: Tại bản án số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xử phạt H Ñ Mlô 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Theo Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 48/2024/QĐ-CA ngày 03/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và biên bản bàn giao hồ sơ Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, xác định H Ñ Mlô chấp hành hình phạt từ ngày 05/4/2024. Do đó, chưa chấp hành xong hình phạt tiếp tục phạm tội mới. Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar- có mặt.

4. Y T Niê, sinh năm 1988; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn M A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y B Mlô, sinh năm 1957 và con bà H B Niê, sinh năm 1964. Vợ là H K Niê, sinh năm 1991 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020). Tiền án: Tại bản án số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xử phạt Y T Niê 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Theo Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số 52/2024/QĐ-CA ngày 03/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và biên bản bàn giao hồ sơ Thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, xác định Y T Niê chấp hành hình phạt từ ngày 05/4/2024. Do đó, chưa chấp hành xong hình phạt tiếp tục phạm tội mới. Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar- có mặt.

5. Y D1 Niê, sinh năm 1989; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi

cư trú: buôn M B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 7/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y N Mlô (đã chết) và con bà H N Niê, sinh năm 1970. Vợ là H G Byă, sinh năm 1985 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2023). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

6. Y D2 Mlô, sinh năm 1970; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn M C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 0/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y B Niê (đã chết) và con bà H M Mlô (đã chết). Vợ là H B Niê, sinh năm 1974 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2016). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

7. Y Y Niê (tên gọi khác Ma P), sinh năm 1962; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn M B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: Tin lành. Con ông Y G Mlô (đã chết) và con bà H P Niê (đã chết). Vợ là H G Mlô, sinh năm 1973 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2004). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

8. Y S Niê, sinh năm 1998; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn M C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 4/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y D2 Mlô, sinh năm 1970 và con bà H B Niê, sinh năm 1974. Vợ là H T Niê, sinh năm 1998 và có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2023). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

9. Y P Niê, sinh năm 1993; giới tính: Nam. Nơi sinh: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: buôn K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: lớp 11/12. Dân tộc: Ê Đê. Tôn giáo: không. Con ông Y B Mlô, sinh năm 1967 và con bà H Ỗ Niê, sinh năm 1972. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà H N1 Niê, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bà H B Niê, sinh năm 1974. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Đặng Ngọc B1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

-Người phiên dịch: Ông Y N Êban, sinh năm 1956; là cán bộ nghỉ hưu. Nơi cư trú: buôn M A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 08/5/2024, H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê đến nhà Y D2 Mlô ở tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K để chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, thấy trên tủ ở phòng khách nhà Y D2 Mlô có một bộ dụng cụ xóc bầu cua, gồm: 01 (một) tô bằng kim loại màu trắng; 01 (một) đĩa bằng kim loại màu trắng; 03 (ba) hạt bầu cua hình lập phương, sáu mặt in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy có sáu ô in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai đã cũ thì H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y Y Niê, Y S Niê, Y P Niê và Y D2 Mlô cùng rủ nhau đánh bạc, bằng hình thức xóc bầu cua thắng thua bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Sau đó, H D Niê đặt bộ dụng cụ xóc bầu cua lên trên nền phòng khách và làm cái xóc bầu cua, còn H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y Y Niê, Y S Niê, Y P Niê và Y D2 Mlô tham gia đặt cược tiền vào các biểu tượng có trên bàn bầu cua, mỗi ván người chơi có thể đặt cược tiền từ 10.000^d (mười nghìn đồng) đến 100.000^d (một trăm nghìn đồng).

Quá trình tham gia đánh bạc đến khi bị bắt, các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc và thắng thua cụ thể như sau: H D Niê bỏ số tiền 4.900.000^d và H Ñ Mlô góp số tiền 1.000.000^d để chung tiền cho H D Niê xóc bầu cua, như vậy H D Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 5.900.000^d và thua 2.030.000^d; Y D1 Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 2.400.000^d và thắng 1.600.000^d; H Ñ Mlô bỏ ra 680.000^d để đánh bạc và thua 280.000^d; H R Mlô sử dụng số tiền đánh bạc là 120.000^d và thua 70.000^d; Y T Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 600.000^d và thắng 50.000^d; Y P Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 700.000^d và thua 200.000^d; Y S Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 500.000^d và thắng 950.000^d; Y Y Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 40.000^d và không thắng không thua; Y D2 Mlô sử dụng số tiền đánh bạc là 20.000^d và thua hết. Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, khi H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y Y Niê, Y S Niê, Y P Niê và Y D2 Mlô

đang đánh bạc thì bị Công an huyện Ea Kar phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 10.960.000^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ: tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam là 10.960.000^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). 01 (một) bộ dụng cụ xóc bầu cua, gồm: 01 (một) tô bằng kim loại màu trắng, đường kính 19,5 cm; 01 (một) đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 21 cm; 03 (ba) hạt bầu cua hình lập phương có cạnh kích thước 2,5 cm, sáu mặt in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy, kích thước (41 x60) cm, có sáu ô in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai.

Đối với địa điểm mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc là phòng khách của căn nhà thuộc sở hữu của bà H N1 Niê cho vợ chồng Y D2 Mlô mượn để ở. Việc các bị cáo dùng để đánh bạc, bà H N1 Niê không biết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar không tiến hành kê biên, định giá tài sản để xử lý là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố. Các bị cáo xác định: cùng rủ nhau đánh bầu cua được thua bằng tiền, khi tham gia đánh bạc: H D Niê là người xóc bầu cua và sử dụng số tiền đánh bạc là 5.900.000^d (gồm tiền bỏ ra 4.900.000^d và 1.000.000^d tiền do H N1 Niê góp để chung làm cái); Y D1 Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 2.400.000^d; H N1 Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 1.680.000^d (gồm 1.000.000^d tiền góp với H D Niê và 680.000^d bỏ ra để đặt cược); Y P Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 700.000^d; Y T Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 600.000^d; Y S Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 500.000^d; H R Mlô sử dụng số tiền đánh bạc là 120.000^d; Y Y Niê sử dụng số tiền đánh bạc là 40.000^d và Y D2 Mlô sử dụng số tiền đánh bạc là 20.000^d. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 10.960.000^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Các bị cáo đều khẳng định không có ai thu tiền xâu.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 22/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố: Các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H N1 Niê, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H N1 Niê, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt: H N1 Niê và Y T Niê, mỗi bị cáo từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt: H R Mlô: từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt: H D Niê và Y D1 Niê, mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt: Y D2 Mlô, Y P Niê, Y S Niê và Y Y Niê, mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024. Các bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà nước tổng số tiền do phạm tội mà có là 10.960.00^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ xóc bầu cua, gồm: 01 (một) tô bằng kim loại màu trắng, đường kính 19,5 cm; 01 (một) đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 21 cm; 03 (ba) hạt bầu cua hình lập phương có cạnh kích thước 2,5 cm, sáu mặt in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy, kích thước (41 x60) cm, có sáu ô in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai là công cụ các bị cáo dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo đều đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng 09 (chín) bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên khoảng 20 giờ ngày 08/5/2024, các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bầu cua được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 10.960.000^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bởi trước và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cho từng đối tượng mà cùng rủ nhau đánh bạc và đều là người thực hành. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo có sự khác nhau, cụ thể: H D Niê là người cầm cái xóc bầu cua để cho những người khác đặt cược, dùng số tiền đánh bạc nhiều nhất là 5.900.000^d, tiếp theo bị cáo Y D1 Niê đánh bạc với số tiền 2.400.000^d, bị cáo H Ñ Mlô đánh bạc với số tiền 1.680.000^d; các bị cáo còn lại Y P Niê đánh bạc 700.000^d, Y T Niê đánh bạc 600.000^d, Y S Niê đánh bạc 500.000^d, H R Mlô đánh bạc 120.000^d, Y Y Niê đánh bạc 40.000^d; Mặc dù, Y D2 Mlô là người đánh bạc với số tiền ít nhất 20.000^d nhưng lại đồng ý dùng nơi ở do mình được giao quản lý để làm nơi đánh bạc.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo H Ñ Mlô, Y T Niê và H R Mlô vào ngày 27/02/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar kết án về tội “Đánh bạc”, đều đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì lại tiếp tục phạm tội mới nên thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 09 (chín) bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo H D Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo H R Mlô thời điểm phạm tội đang mang thai; cả 09 (chín) bị cáo đều là người dân tộc Ê Đê thuộc dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt được quy định tại các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với mỗi bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Đối với các bị cáo H Ñ Mlô, Y T Niê và H R Mlô đã bị kết án về tội “Đánh bạc”, đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, không coi đó là bài học để tự cải tạo, giáo dục bản thân thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt buộc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là có căn cứ, cần chấp nhận.

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, đã xử phạt H Ñ Mlô và Y T Niê, mỗi bị cáo 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đã chấp hành hình phạt từ ngày 05/4/2024 đến ngày phạm tội mới (08/5/2024) là 01 tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó, thời gian các bị cáo còn phải chấp hành là 10 (mười) tháng 09 (chín) ngày bằng 309 (ba trăm lẻ chín) ngày cải tạo không giam giữ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự quy đổi thành 03 (ba) tháng 13 (mười ba) ngày tù, tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc các bị cáo H Ñ Mlô và Y T Niê phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Đối với bị cáo H R Mlô bị xử phạt 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành hình phạt từ ngày 15/4/2024 đến ngày phạm tội mới (08/5/2024) là 23 (hai mươi ba) ngày cải tạo không giam giữ. Do đó, thời gian bị cáo còn phải chấp hành là 09 (chín) tháng 07 (bảy) ngày bằng 277 (hai trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự quy đổi thành 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù, tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo H R Mlô phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Xét thấy các bị cáo H D Niê và Y D1 Niê đều chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy các bị cáo Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê sử dụng số tiền đánh bạc từ 700.000^d trở xuống, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; riêng Y Y Niê là người cao tuổi có số tiền đánh bạc ít nhất. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung cho xã hội là phù hợp, cần chấp nhận. Riêng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Y Y Niê có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ, hành vi do bị cáo gây ra.

Về mức thu nhập: Các bị cáo Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê đều có nghề nghiệp làm nông, thu nhập thấp, có điều kiện khó khăn, trừ bị cáo Y P Niê còn lại đang phải nuôi con nhỏ. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] *Về xử lý vật chứng*: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.960.00^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) bộ dụng cụ xóc bầu cua, gồm: 01 (một) tô bằng kim loại màu trắng, đường kính 19,5 cm; 01 (một) đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 21 cm; 03 (ba) hạt bầu cua hình lập phương có cạnh kích thước 2,5 cm, sáu mặt in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy, kích thước (41 x 60) cm, có sáu ô in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai là công cụ các bị cáo dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: H Ñ Mlô: 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là 309 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi bằng 03 (ba) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Buộc bị cáo H Ñ Mlô phải chấp hành hình phạt chung của hai bản

án là 11(mười một) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/5/2024.

2. Xử phạt: Y T Niê: 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là 309 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi bằng 03 (ba) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Buộc bị cáo Y T Niê phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11(mười một) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/5/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt: H R Mlô: 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là 277 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi bằng 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù. Buộc bị cáo H R Mlô phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) tháng 02 (hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt: H D Niê: 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt: Y D1 Niê: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo H D Niê, Y D1 Niê cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo H D Niê, Y D1 Niê thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

6. Xử phạt: Y D2 Mlô: 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y D2 Mlô còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

7. Xử phạt: Y P Niê: 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y P Niê còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

8. Xử phạt: Y S Niê: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y S Niê còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

9. Xử phạt: Y Y Niê: 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2024 đến ngày 15/5/2024 là 06 (sáu) ngày bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Y Y Niê còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

Các bị cáo Y D2 Mlô, Y P Niê, Y S Niê và Y Y Niê được miễn khấu trừ thu nhập do thu nhập không ổn định, có điều kiện kinh tế khó khăn.

Giao bị cáo Y D2 Mlô, Y P Niê, Y S Niê và Y Y Niê cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Y D2 Mlô, Y P Niê, Y S Niê và Y Y Niê thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong 01 tuần.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 10.960.00^d (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0005991 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ xóc bầu cua, gồm: 01 (một) tô bằng kim loại màu trắng, đường kính 19,5 cm; 01 (một) đĩa bằng kim loại màu trắng, đường kính 21 cm; 03 (ba) hạt bầu cua hình lập phương có cạnh kích thước 2,5 cm, sáu mặt in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và 01 (một) bàn bầu cua bằng giấy, kích thước (41 x60) cm, có sáu ô in hình sáu biểu tượng bầu, cua, tôm, cá, gà, nai là công cụ các bị cáo dùng phạm tội. *Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.*

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc H D Niê, H R Mlô, H Ñ Mlô, Y T Niê, Y D1 Niê, Y D2 Mlô, Y Y Niê, Y S Niê và Y P Niê, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Công an huyện Ea Kar.
- Cơ quan THAHS huyện Ea Kar.
- Các bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Xuân Chiến